

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 7
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 58

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 31 ngày 03/03/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng và Ban kiểm soát**

Thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 11/02/2020
Ông Nguyễn Thái Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/02/2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12/04/2019
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Vũ Thanh Sơn	Thành viên	
Bà Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên	

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ghi chú</u>
Ông Vũ Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vượng	Phó Tổng giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hải Thanh	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm 18/04/2019
Ông Đinh Tiến Thành	Phó Tổng giám đốc	
Bà Dương Thị Lam	Phó Tổng giám đốc – Kế toán trưởng	Bổ nhiệm kế toán trưởng ngày 02/12/2019
Bà Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2019
Ông Đinh Hồng Quang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/07/2019 và miễn nhiệm ngày 02/12/2019

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Trọng Hiện	Thành viên Ban Kiểm soát

**3. Trụ sở**

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Ngày 11/02/2020, Bà Nguyễn Thị Nga thôi là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

Ngày 18/02/2020, Ông Nguyễn Thái Dũng được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị - người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 03/03/2020, Tổng Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần 31 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Thái Dũng (chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị).

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ THANH SƠN**

Số: 43/2020/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 08 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại mục VIII.7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: “Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp nhà nước.”

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc:

“Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/06/2018 của Tổng Công ty chưa được kiểm toán, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ và những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thu thập đầy đủ được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết gồm Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội, Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm, Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng, Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ, Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước, Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam), Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội, Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi, Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội, Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro, Công ty TNHH TMDV Nghĩa Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Thủy tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trên Báo cáo hợp nhất đang được phản ánh theo Phương pháp giá gốc thay vì Phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Phân phối Hapro, Công ty Cổ phần thông tin Hapro, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội, Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội, Báo cáo tài chính Quý 3/2018 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chưa được kiểm toán.”

## Vấn đề khác (Tiếp theo)

Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (Tổng Công ty nắm trực tiếp 42,33% vốn và quyền kiểm soát, gián tiếp qua Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội 19,10% vốn và 37,04% quyền kiểm soát) là Công ty con của Tổng Công ty. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty con nêu trên đang được Tổng Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 theo Phương pháp giá gốc. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 của Tổng Công ty;

Báo cáo tài chính của các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, Công ty cổ phần ĐTTM & Dịch vụ Chợ Bưởi, Công ty Cổ phần Rượu Hapro, Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu chưa được kiểm toán, Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty”.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0162-2018-242-1

**Trịnh Thu Huyền**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2993-2019-242-1



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.479.356.288.854</b>	<b>1.918.685.864.914</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>111.600.373.229</b>	<b>224.765.595.328</b>
1. Tiền	111		81.600.373.229	146.014.444.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	78.751.150.828
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>185.089.794.464</b>	<b>283.041.328.767</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6.1	185.089.794.464	283.041.328.767
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.074.347.172.045</b>	<b>1.184.850.320.987</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	440.230.606.130	418.266.796.936
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.801.246.854	480.079.668.362
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	136.164.551.467	145.116.309.159
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	92.597.231.659	135.077.364.893
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.9.1	(965.835.589)	(200.000.000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	6.519.371.524	6.510.181.637
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>72.075.062.154</b>	<b>199.936.491.757</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.612.534.982	200.474.176.722
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(537.472.828)	(537.684.965)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>36.243.886.962</b>	<b>26.092.128.075</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	20.009.139.697	12.115.457.541
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.652.553.809	11.241.044.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.2	582.193.456	2.729.626.030
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	6.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.911.214.270.427</b>	<b>2.264.480.623.842</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.517.450.944</b>	<b>16.722.931.483</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2.2	13.557.589.907	14.480.287.365
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	90.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	2.056.196.419	2.248.979.500
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.9.2	(96.335.382)	(96.335.382)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>576.155.458.307</b>	<b>796.953.892.396</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	528.734.371.800	716.875.724.431
- Nguyên giá	222		717.272.354.440	1.064.265.654.384
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(188.537.982.640)	(347.389.929.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	47.421.086.507	80.078.167.965
- Nguyên giá	228		49.716.723.114	83.649.728.390
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.295.636.607)	(3.571.560.425)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.13	<b>112.875.589.795</b>	<b>127.886.559.433</b>
- Nguyên giá	231		131.527.016.822	150.459.769.487
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(18.651.427.027)	(22.573.210.054)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>673.119.472.266</b>	<b>721.976.283.609</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài	241	V.12.1	452.101.769.134	450.896.685.492
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12.2	221.017.703.132	271.079.598.117
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.6	<b>290.463.049.795</b>	<b>326.044.784.206</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6.2	217.438.122.143	267.629.803.378
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.6.3	73.024.927.652	58.414.980.828
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>243.083.249.320</b>	<b>274.896.172.715</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	243.083.249.320	274.896.172.715
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.390.570.559.281</b>	<b>4.183.166.488.756</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2019	01/01/2019
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.066.695.589.834</b>	<b>1.756.733.986.317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>892.621.353.201</b>	<b>1.416.393.850.173</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.1	76.162.094.165	91.200.441.939
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.050.737.095	14.777.280.189
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.1	24.036.785.863	19.082.450.602
4. Phải trả người lao động	314		9.121.520.293	13.425.990.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.173.256.564	3.349.808.362
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	5.673.849.573	10.831.529.252
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	68.025.200.242	274.974.876.138
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	678.302.044.660	972.297.797.206
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.075.864.746	16.453.676.190
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>174.074.236.633</b>	<b>340.340.136.144</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14.2	-	19.773.253.570
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		79.115.495.443	79.522.949.988
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17	-	8.919.671.660
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	68.073.507.532	76.048.667.678
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	15.188.860.579	134.876.489.961
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	10.635.465.643	21.199.103.287
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.060.907.436	-
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.323.874.969.447</b>	<b>2.426.432.502.439</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V20</b>	<b>2.323.874.969.447</b>	<b>2.426.432.502.439</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.664.802	4.483.502.107
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.21	16.834.960.235	12.986.788.222
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.405.441	4.651.738.638
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		46.048.002	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.364.049.226	(18.275.847.980)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(24.621.283.216)	(33.608.194.632)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		113.985.332.442	15.332.346.652
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.289.841.741	222.586.321.452
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.390.570.559.281</b>	<b>4.183.166.488.756</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	2.275.283.696.727	1.786.199.776.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.22	35.181.730.877	8.527.935.856
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.22	<b>2.240.101.965.850</b>	<b>1.777.671.841.127</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	1.907.841.615.292	1.575.371.041.047
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>332.260.350.558</b>	<b>202.300.800.080</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	199.561.670.353	51.304.549.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	76.251.571.778	47.615.508.083
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.244.569.132	38.065.210.714
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.230.158.540)	4.338.096.126
9. Chi phí bán hàng	25	VI.26	165.300.491.855	120.189.739.382
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	148.763.850.288	71.730.355.217
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>138.275.948.450</b>	<b>18.407.843.098</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.27	13.570.381.691	6.305.589.983
13. Chi phí khác	32	VI.27	1.750.589.231	2.437.055.979
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>11.819.792.460</b>	<b>3.868.534.004</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>150.095.740.910</b>	<b>22.276.377.102</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28.1	28.830.945.364	4.502.904.327
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.28.2	1.060.907.436	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>120.203.888.110</b>	<b>17.773.472.775</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		113.985.332.442	15.332.346.652
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.218.555.668	2.441.126.123
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.29	546,38	69,69
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		546,38	69,69

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Uang*

*hu*



NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

VŨ THANH SƠN

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Từ 29/06/2018

đến 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2019	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>150.095.740.910</b>	<b>22.276.377.102</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.148.013.886	16.977.962.665
- Các khoản dự phòng	03	765.623.452	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(580.216.094)	(404.461.626)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(114.486.995.057)	(38.301.873.582)
- Chi phí lãi vay	06	53.244.569.132	51.304.549.574
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(4.167.837.306)	-
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>113.018.898.923</b>	<b>51.852.554.133</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	108.684.717.162	361.266.212.415
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	127.861.641.740	91.136.116.842
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(417.999.467.655)	(52.389.689.360)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	23.919.241.239	(3.818.662.979)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(53.244.569.132)	(38.065.210.714)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.282.005.529)	(1.291.912.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.917.811.444)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(101.959.354.696)</b>	<b>408.689.407.537</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.309.920.925)	(15.871.846.592)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.080.374.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(322.122.208.658)	(151.204.350.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	377.125.500.653	96.234.773.034
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.349.000.000)	(728.138.020)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	186.992.600.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.859.835.349	33.349.476.878
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>265.277.180.964</b>	<b>(38.220.084.700)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.448.395.633.654	1.803.544.952.410
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.725.573.425.450)	(2.271.593.497.180)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.499.138.651)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(277.177.791.796)</b>	<b>(469.547.683.421)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(113.859.965.528)</b>	<b>(99.078.360.584)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>224.765.595.328</b>	<b>323.439.494.286</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	694.743.429	404.461.626
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>111.600.373.229</b>	<b>224.765.595.328</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







  
VŨ THANH SƠN

NGUYỄN THU HẰNG

DƯƠNG THỊ LAM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần, (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định 129/2004/QĐ – TTg ngày 14/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 125/2004/QĐ – UBND ngày 11/08/2004 của UBND thành phố Hà Nội. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273, thay đổi lần thứ 31 ngày 03/03/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.200.000.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tỷ đồng chẵn), được chia thành 220.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh hàng miễn thuế - Bán lẻ hoa, cây cảnh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt (trừ dịch vụ kính thuốc) - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng ;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất giày dép; Sản xuất đường;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ dịch vụ thiết kế công trình); Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Dịch vụ đóng gói; Đại lý, môi giới, đấu giá, Chi tiết: Đại lý; Sản xuất ca cao, sôcôla và

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

mút kẹo; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn gạo; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Khai thác tận thu khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội);

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng Bán lẻ hàng hoá khác đã qua sử dụng (không bao gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bán buôn tổng hợp; Bán mô tô, xe máy; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè; Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào, Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá nội, thuốc lào; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; Nhập khẩu ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Tổng Công ty có các Công ty con gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ vốn sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	83,42%	83,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Rượu Hapro	54,58%	54,58%	KCN Hapro - Lệ Chi - Gia Lâm - Hà Nội
3	Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	52,50%	52,50%	Số 11B - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro	51,00%	51,00%	Số nhà 172 Ngọc Khánh - Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

- (1) Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105384642 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2011, thay đổi lần thứ 08 ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 61.591.000.000 đồng (Sáu mươi một tỷ năm trăm chín mươi một triệu đồng), được chia thành 6.159.100 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

- (2) Công ty Cổ phần Rượu Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102164984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 32.978.600.000 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), được chia thành 3.297.860 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

- (3) Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102333368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2007, thay đổi lần thứ 08 ngày 02 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

- (4) Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104175117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 05 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tổng Công ty có các Công ty Liên kết gồm:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	38,42%	38,42%	Số 3/191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19%	31,19%	Số 47, Nguyễn Hồng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3	Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	30,00%	30,00%	Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	33,42%	33,42%	Số 38 - 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng	40,00%	40,00%	Số 5C/1, tổ 8, khu phố 1A, Phường An Phú, TX Thuận An, Bình Dương
6	Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	26,77%	26,77%	Tầng 6, Tòa nhà Hapro, 11B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ	26,99%	26,99%	Số nhà 68, phố Bạch Đằng, phường Âu Cơ, Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ
8	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94%	30,94%	Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội
9	Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	20,00%	20,00%	Tổ 4, ấp Thuận Hải, Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Bình Phước
10	Công ty TNHH Cao Ốc Á Châu	40,00%	40,00%	Số 6 phố Nhà Thờ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
11	Công ty Cổ phần Liên hiệp XNK và Đầu tư Hà Nội	20,15%	20,15%	Unimex Hanoi Building, 41 Ngô Quyền, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội	20,00%	20,00%	80 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30,00%	30,00%	Số 11B Tràng Thi - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm
14	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00%	40,00%	Phòng 1602 VP3 - Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
15	Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội	42,38%	42,38%	Số 210 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	30,00%	30,00%	Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Tây Hồ - Hà Nội



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Tổng Công ty có các Công ty Liên kết gồm: (Tiếp theo)**

17	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	20,00%	20,00%	Số 24 – 26 Trần Nhật Duật – Hoàn Kiếm – Hà Nội
18	Công ty Cổ phần Thủy Tạ	30,00%	30,00%	Số 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
19	Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	42,33%	42,33%	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
20	Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	25,5%	25,5%	Số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
21	Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	20%	20%	Khu công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(1) Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101275603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.599.920.000 đồng (Năm mươi tỷ năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), được chia thành 5.059.992 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(2) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 04 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 24.800.000.000 đồng (Hai mươi tư tỷ tám trăm triệu đồng), được chia thành 248.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000đ/cổ phần.

(3) Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800889229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 12 tháng 08 năm 2019 .

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102544224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(5) Công ty Cổ phần Kinh doanh XNK An Phú Hưng là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701669394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 12 năm 2011.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(6) Công ty Cổ phần Thông tin Hapro là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105702077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 11 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(7) Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600164067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 16 tháng 08 năm 2006, thay đổi lần thứ 03 ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 5.664.615.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), được chia thành 566.461 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(8) Công ty Cổ phần Thương mại – Đầu tư Long Biên là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 18 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(9) Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến XNK Điều Bình Phước là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801099028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2015, thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(10) Công ty TNHH Cao ốc Á Châu là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100145961 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2008, thay đổi lần 03 ngày 14 tháng 08 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 12.636.225.000 đồng (Mười hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

(11) Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, thay đổi lần thứ 04 ngày 17 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng), được chia thành 20.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(12) Công ty Cổ phần Ong mật Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106219994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2013, thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), được chia thành 500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(13) Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107528836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(14) Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102048258 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 03 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), được chia thành 600.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(15) Công ty Cổ phần Dịch vụ XNK Nông sản Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 06 năm 1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng), được chia thành 4.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(16) Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ chợ Bưởi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137243 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 07 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.000.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ đồng), được chia thành 4.700.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(17) Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010016803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 08 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), được chia thành 14.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(18) Công ty Cổ phần Thủy Tạ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 09 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng), được chia thành 3.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(19) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102144804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), được chia thành 4.725.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(20) Công ty Cổ phần Phân phối Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104600241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 10 năm 2018.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

(21) Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103828564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 05 năm 2009, thay đổi lần thứ 05 ngày 25 tháng 09 năm 2017.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), được chia thành 2.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

STT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm Xuất nhập khẩu phía Bắc	11B Cát Linh – Hà Nội
2	Trung tâm kinh doanh hàng miễn thuế	C4 – Giảng Võ – Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm kinh doanh Siêu thị Hapromart	11B Cát Linh - Hà Nội
4	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối Bắc Thăng Long	Hải Bối - Đông Anh - Hà Nội
5	Trung tâm kinh doanh chợ đầu mối phía Nam	Đền Lừ - Hoàng Mai - Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần – Trung tâm chế biến hàng xuất khẩu	Tổ 47 - Đông Anh - Hà Nội
7	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh	77 – 79 - Phó Đức Chính - Quận 1 - Hồ Chí Minh
8	Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình	Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội
9	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp	Tổ 10 - Ấp Tân Thuận B - Tân Dương - Lai Vung - Đồng Tháp
10	Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần tại tỉnh Hưng Yên	Thôn Trại - Dị Sử - Mỹ Hào - Hưng Yên

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần (Công ty mẹ), Công ty Cổ phần Phát

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

triển Siêu thị Hà Nội (Công ty con), Công ty Cổ phần Rượu Hapro (Công ty con), Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro (Công ty con), Công ty Cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất với Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết trên Báo cáo hợp nhất đang được phản ánh theo Phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### III. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **Các khoản cho vay**

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

##### ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

#### **4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |  |                               |
|--|-------------------------------|
| - Hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | Giá bình quân gia quyền tháng |
| - Các công trình xây dựng                    | Thực tế đích danh             |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị      | 05 - 08 năm |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 10 năm

### **6.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

Phần mềm máy tính 03 - 08 năm

## **7. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là bất động sản do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua vào bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

## **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Tổng Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

**10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán không quá 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

**14. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **15. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính
- (iii) được tính toán một cách tin cậy.
- (iv) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (v) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (vi) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vii) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

#### **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).

Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá trị khối lượng xây lắp bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**18. Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, khấu hao TSCĐ, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Tổng Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**20. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ thông thường của Tổng Công ty là 5% hoặc 10%.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa dịch vụ xuất khẩu là 0%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành của Việt Nam.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**21. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**22. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**23. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**24. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Quyết định số 234/2003/QQĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.5.

**25. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Bán buôn, bán lẻ hàng hoá, thành phẩm.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Tổng Công ty được phân bổ chủ yếu tại miền Bắc và miền Nam.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt tại quỹ	1.861.246.333	10.409.236.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.821.000.286	129.909.265.967
Tiền đang chuyển	918.126.610	5.695.941.839
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	78.751.150.828
<b>Cộng</b>	<b>111.600.373.229</b>	<b>224.765.595.328</b>

**2. Phải thu khách hàng****2.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Phân Phối Hapro	29.222.701.834	28.385.421.785
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng	5.257.686.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	61.233.800.046	51.584.418.510
Công ty TNHH MTV - TCT lương thực Miền Nam	-	5.926.617.147
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Điều Việt Hà	3.501.227.231	12.159.034.849
VITAL FRESH GENERAL TRADING LLC	10.862.991.950	10.862.991.950
Phải thu đối tượng khác	330.152.199.056	309.348.312.695
<b>Cộng</b>	<b>440.230.606.130</b>	<b>418.266.796.936</b>

**2.2 Phải thu của khách hàng dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	5.826.128.000	5.826.128.000
Công ty Cổ phần Vinh Gia Lương	-	1.016.249.040
Công ty Cổ phần Sản Xuất cửa Hoa Kỳ	-	570.581.874
Công ty Cổ phần ĐT và TM Nguyễn Hoàng Phát	-	553.041.225
Công ty Cổ phần Nội Thất Sinh thái Hapro	-	360.780.376
Công ty TNHH Dũng Thủy	2.227.488.345	2.227.488.345
Đối tượng khác	5.503.973.562	3.926.018.505
<b>Cộng</b>	<b>13.557.589.907</b>	<b>14.480.287.365</b>

**2.3 Phải thu các bên liên quan (chi tiết VIII.5)**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****3. Phải thu về cho vay ngắn hạn****3.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần phân phối Hapro	14.875.954.359	14.875.954.359
Công ty Cổ phần ĐTPT Hạ Tầng thương mại Hà Nội	72.852.430.108	79.046.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất KD Gia súc Gia cầm	24.686.167.000	26.195.000.000
Đối tượng khác	23.750.000.000	24.999.354.800
<b>Cộng</b>	<b>136.164.551.467</b>	<b>145.116.309.159</b>

**3.2 Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VIII.5)****4. Các khoản phải thu khác****4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Tạm ứng	8.475.678.689	10.740.198.751
Ký cược, ký quỹ	400.800.000	1.979.477.437
Phải trả khác dư nợ	350.967.003	127.248.415
Phải thu khác	83.369.785.967	122.230.440.290
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	7.601.161.388	7.601.161.388
+ Sở Tài chính Hà Nội	38.508.516.474	38.508.516.474
+ Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng nhà đất	-	6.000.000.000
+ New West Zone Supermarket	-	1.669.582.875
+ AI Maya Group	-	1.788.337.500
+ Đối tượng khác	37.260.108.105	66.662.842.053
<b>Cộng</b>	<b>92.597.231.659</b>	<b>135.077.364.893</b>

**4.2 Phải thu khác dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Ký cược, ký quỹ	1.665.796.419	1.801.828.742
Phải thu khác	390.400.000	447.150.758
<b>Cộng</b>	<b>2.056.196.419</b>	<b>2.248.979.500</b>

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	6.519.371.524	-	6.510.181.637
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.519.371.524</b>	<b>-</b>	<b>6.510.181.637</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính****6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi ngân hàng (*)	185.089.794.464	185.089.794.464	283.041.328.767	283.041.328.767
<b>Cộng</b>	<b>185.089.794.464</b>	<b>185.089.794.464</b>	<b>283.041.328.767</b>	<b>283.041.328.767</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn lớn hơn 3 tháng

**TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Mẫu số B 09 - DN**  
Đơn vị tính: VND**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****6.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết**

Tên đơn vị	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	10.597.212.755	(*)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	36.164.247.990	(*)	-	38.442.196.399	(*)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	8.722.897.933	(*)	-	7.489.637.563	(*)	-
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	5.082.120.819	(*)	-	12.837.966.445	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	12.801.743.033	(*)	-	12.747.013.154	(*)	-
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	4.000.000.000	(*)	-	4.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	-	(*)	-	(579.352.105)	(*)	-
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	805.782.308	(*)	-	753.694.121	(*)	-
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	-	(*)	-	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ	1.190.780.421	(*)	-	1.081.489.581	(*)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	9.230.208.246	(*)	-	8.422.534.361	(*)	-
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	-	(*)	-	5.703.839.225	(*)	-
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	-	-	-	11.982.262.530	(*)	-
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	18.556.341.940	(*)	-	18.121.074.234	(*)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	-	-	-	55.703.451.074	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	22.230.282.928	(*)	-	21.214.142.441	(*)	-
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	40.381.867.570	(*)	-	40.514.157.758	(*)	-



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Mẫu số B 09 - DN**  
Đơn vị tính: VND**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****6.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

	31/12/2019	01/01/2019	
	Giá gốc	Giá gốc	
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
	Dự phòng	Dự phòng	
	(*)	(*)	
Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội	-	1.130.645.063	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Tráng Thi	2.863.527.506	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	1.304.537.179	1.304.537.179	-
Công ty TNHH TMDV Nghĩa Đô	-	6.457.320.775	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Thủy	-	16.662.546.821	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm chức năng Hapro	-	140.000.000	-
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	-	500.646.759	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	12.637.182.289	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	5.312.234.645	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	25.557.154.580	-	-
<b>Cộng</b>	<b>217.438.122.143</b>	<b>267.629.803.378</b>	<b>-</b>

**TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**6.3 Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	16.506.975.469	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	-	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN	1.295.000.000	(*)	-	1.295.000.000
Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội	780.000.000	(*)	-	780.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	6.600.000.000	(*)	-	6.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn cầu	22.973.117.966	(*)	-	22.973.117.966
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại COINTRA	1.000.000.000	(*)	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tráng Tiền	10.065.485.897	(*)	-	10.065.485.897
Công ty Cổ phần SX Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	5.818.871.221	(*)	-	5.818.871.221
Liên danh TTTM Chợ Ngã Tư Sở	5.550.000.000	(*)	-	5.550.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Láng Yên	2.014.246.551	(*)	-	2.014.246.551
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	121.230.548	(*)	-	121.230.548
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hệ thống Phân phối Việt Nam	-	-	-	223.979.391
Công ty Cổ phần SX CBTP Hà Nội	-	-	-	1.073.049.254
Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	-	-	-	100.000.000
Đối tượng khác	300.000.000	(*)	-	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>73.024.927.652</b>			<b>58.414.980.828</b>

(\*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất số VIII 3 (iv) - Giá trị hợp lý

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.801.980.753	(537.472.828)	23.094.065.046	(537.684.965)
Công cụ dụng cụ	188.048.154	-	4.383.827.091	-
Chi phí SXKD dở dang	1.174.479.505	-	2.920.977.069	-
Thành phẩm	2.786.001.021	-	25.057.385.096	-
Hàng hoá	45.632.681.687	-	106.437.886.722	-
Hàng hóa bất động sản	1.210.933.333	-	1.210.933.333	-
Hàng gửi đi bán	16.818.410.529	-	37.369.102.365	-
<b>Cộng</b>	<b>72.612.534.982</b>	<b>(537.472.828)</b>	<b>200.474.176.722</b>	<b>(537.684.965)</b>

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(537.472.828)	(537.684.965)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	(537.472.828)	(537.684.965)

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.009.139.697	12.115.457.541
- Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	20.009.139.697	12.115.457.541
Chi phí trả trước dài hạn	243.083.249.320	274.896.172.715
- Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước khác	216.662.347.620	227.714.892.855
Giá trị lợi thế thương mại	26.420.901.700	47.181.279.860
<b>Cộng</b>	<b>263.092.389.017</b>	<b>287.011.630.256</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Mẫu số B 09 - DN****9 . NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

**9.1 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần Liên kết Nguồn lực	121.094.666	-	(121.094.666)	-	-	-
Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội	84.467.075	-	(84.467.075)	-	-	-
Công ty TNHH SX & TM Đức Việt Hà	192.433.666	-	(192.433.666)	-	-	-
Công ty CP Chế biến Nông sản Thái Bình	69.156.640	-	(69.156.640)	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất - XNK An Lạc	20.034.401	-	(20.034.401)	-	-	-
Trường mầm non tư thực Hoàng Gia	478.649.141	-	(478.649.141)	-	-	-
Hợp tác xã Sông Công	-	-	-	175.000.000	-	(175.000.000)
Đối tượng khác	-	-	-	25.000.000	-	(25.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>965.835.589</b>	<b>-</b>	<b>(965.835.589)</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(200.000.000)</b>

**9.2 . Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi**

Đây là khoản dự phòng phải thu dài hạn khó đòi được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội - là một trong các công ty con của Tổng công ty.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	910.635.689.683	107.269.879.398	32.059.317.755	9.062.477.235	5.238.290.313	1.064.265.654.384
Mua trong năm	181.818.182	73.030.000	-	44.740.000	-	299.588.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.484.106.450	-	-	-	1.484.106.450
Tặng khác	-	-	-	76.363.636	-	76.363.636
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	81.674.168	397.061.600	2.452.696.727	92.549.000	-	3.023.981.495
Giảm do thoái vốn	259.516.224.960	68.413.503.462	15.497.419.659	2.287.858.136	114.370.500	345.829.376.717
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>651.219.608.737</b>	<b>40.016.450.786</b>	<b>14.109.201.369</b>	<b>6.803.173.735</b>	<b>5.123.919.813</b>	<b>717.272.354.440</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2019	255.628.758.975	65.631.524.224	19.618.612.992	5.101.157.176	1.409.876.586	347.389.929.953
Khấu hao trong năm	20.204.274.497	1.712.496.433	1.787.532.271	347.677.278	38.980.812	24.090.961.291
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	12.428.677	338.416.352	1.475.056.262	88.140.076	-	1.914.041.367
Giảm do thoái vốn	114.103.041.691	51.880.776.691	12.849.534.601	2.081.143.754	114.370.500	181.028.867.237
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>161.717.563.104</b>	<b>15.124.827.614</b>	<b>7.081.554.400</b>	<b>3.279.550.624</b>	<b>1.334.486.898</b>	<b>188.537.982.640</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	655.006.930.708	41.638.355.174	12.440.704.763	3.961.320.059	3.828.413.727	716.875.724.431
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>489.502.045.633</b>	<b>24.891.623.172</b>	<b>7.027.646.969</b>	<b>3.523.623.111</b>	<b>3.789.432.915</b>	<b>528.734.371.800</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	80.997.834.960	2.519.393.430	132.500.000	83.649.728.390
Mua trong năm	-	35.000.000	-	35.000.000
Tăng khác	-	997.200.000	-	997.200.000
Giảm do thoái vốn	34.582.205.276	283.000.000	100.000.000	34.965.205.276
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>46.415.629.684</b>	<b>3.268.593.430</b>	<b>32.500.000</b>	<b>49.716.723.114</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	1.644.375.063	1.831.873.557	95.311.805	3.571.560.425
Khấu hao trong năm	27.569.445	352.397.582	3.250.036	383.217.063
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	1.336.711.040	256.368.000	66.061.841	1.659.140.881
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>335.233.468</b>	<b>1.927.903.139</b>	<b>32.500.000</b>	<b>2.295.636.607</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2019	<b>79.353.459.897</b>	<b>687.519.873</b>	<b>37.188.195</b>	<b>80.078.167.965</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>46.080.396.216</b>	<b>1.340.690.291</b>	<b>-</b>	<b>47.421.086.507</b>

**12. Tài sản dở dang dài hạn****12.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Dự án khu nhà ở và khu phụ trợ Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	452.101.769.134	452.101.769.134	450.896.685.492	450.896.685.492
<b>Cộng</b>	<b>452.101.769.134</b>	<b>452.101.769.134</b>	<b>450.896.685.492</b>	<b>450.896.685.492</b>

**12.2 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
Dự án số 5 Nam Bộ	37.441.835.806	38.669.237.142
DA TT Phân phối và mua sắm Hà Nội	47.177.410.974	41.546.929.194
Dự án Chợ đầu mối phía Nam mở rộng	83.497.488.667	73.573.051.291
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.179.515.438	-
Dự án 26 Cao Thắng	-	13.436.176.213
Công trình trung tâm siêu thị, TM Bắc Qua	-	45.523.929.761
Công trình khác	49.721.452.247	58.330.274.516
<b>Cộng</b>	<b>221.017.703.132</b>	<b>271.079.598.117</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****13. Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<i>Nhà</i>	<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	116.602.677.233	33.857.092.254		150.459.769.487
Mua bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	18.932.752.665	-	-	18.932.752.665
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>97.669.924.568</b>	<b>33.857.092.254</b>		<b>131.527.016.822</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	12.059.285.897	10.513.924.157	-	22.573.210.054
Khấu hao trong kỳ	2.748.048.768	925.786.764	-	3.673.835.532
Giảm do thoái vốn	7.595.618.558	-	-	7.595.618.558
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>7.211.716.106</b>	<b>11.439.710.921</b>		<b>18.651.427.027</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2019	104.543.391.336	23.343.168.097	-	127.886.559.433
Tại ngày 31/12/2019	90.458.208.462	22.417.381.333	-	112.875.589.795

**14. Phải trả người bán****14.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
DG Thompson International Co, Ltd.	-	-	1.589.525.008	1.589.525.008
Fairbothers & Co, Ltd.	-	-	4.010.466.841	4.010.466.841
Công ty TNHH MTV KD & CB lương thực Hương Hạnh	13.667.000.000	13.667.000.000	13.677.000.000	13.677.000.000
Công ty Cổ phần Quà tặng năm ngôi sao (V-Stars Gifts)	-	-	622.527.424	622.527.424
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội	4.711.769.883	4.711.769.883	4.711.769.883	4.711.769.883
Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam	1.087.926.638	1.087.926.638	17.417.520	17.417.520
Công ty TNHH bán lẻ BRG	14.748.437.810	14.748.437.810	-	-
Đối tượng khác	41.946.959.834	41.946.959.834	66.571.735.263	66.571.735.263
<b>Cộng</b>	<b>76.162.094.165</b>	<b>76.162.094.165</b>	<b>91.200.441.939</b>	<b>91.200.441.939</b>

**14.2 Các khoản phải trả người bán dài hạn**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH XDDD và CN Delta	-	-	19.773.253.570	19.773.253.570
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.773.253.570</b>	<b>19.773.253.570</b>

**14.3 Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VIII.5)**

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**15.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm (*)	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	4.271.262.326	7.642.013.503	11.102.610.536	810.665.293
Thuế tiêu thụ đặc biệt	18.223.522	426.515.613	401.764.759	42.974.376
Thuế xuất, nhập khẩu	-	722.564.966	722.564.966	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.484.281.882	24.509.454.088	4.746.722.674	22.247.013.296
Thuế thu nhập cá nhân	290.762.466	2.797.695.251	2.898.176.988	190.280.729
Thuế tài nguyên	9.750.000	-	9.750.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.322.500.064	82.142.934.891	90.719.582.786	745.852.169
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	230.343.928	230.343.928	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	2.685.670.342	-	2.685.670.342	-
<b>Cộng</b>	<b>19.082.450.602</b>	<b>118.471.522.240</b>	<b>113.517.186.979</b>	<b>24.036.785.863</b>

(\*) Số đã nộp trong năm bao gồm khoản sau

	Số đã Nộp trong năm	Số Giảm do thoái vốn	Cộng
Thuế giá trị gia tăng	7.994.443.252	3.108.167.284	11.102.610.536
Thuế tiêu thụ đặc biệt	401.764.759	-	401.764.759
Thuế xuất, nhập khẩu	722.564.966	-	722.564.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.282.005.529	2.464.717.145	4.746.722.674
Thuế thu nhập cá nhân	2.717.777.618	180.399.370	2.898.176.988
Thuế tài nguyên	-	9.750.000	9.750.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	81.833.887.175	8.885.695.611	90.719.582.786
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	230.343.928	-	230.343.928
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	2.685.670.342	2.685.670.342
<b>Tổng Cộng</b>	<b>96.182.787.227</b>	<b>17.334.399.752</b>	<b>113.517.186.979</b>

**15.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2019	01/01/2019
Thuế GTGT nộp thừa	236.214.049	1.915.677.921
Thuế TNDN nộp thừa	-	1.121.095
Thuế TNCN nộp thừa	11.629.961	44.479.627
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	10.967.000	10.967.000
Các loại thuế khác	323.382.446	757.380.387
<b>Cộng</b>	<b>582.193.456</b>	<b>2.729.626.030</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	1.789.974.455	1.789.974.455	11.373.516.569	10.043.465.298	459.923.184	459.923.184
Nguồn vốn huy động từ các đơn vị	1.907.675.473	1.907.675.473	46.308.269	90.000.000	1.951.367.204	1.951.367.204
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	11.052.678.483	29.972.928.955	18.920.250.472	18.920.250.472
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	181.951.634.856	181.951.634.856	437.544.688.577	459.594.775.742	204.001.722.021	204.001.722.021
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	-	-	29.365.022.028	29.365.022.028	29.365.022.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 1	-	-	36.548.335.690	65.642.728.874	29.094.393.184	29.094.393.184
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 4	-	-	64.158.480.438	75.147.399.361	10.988.918.923	10.988.918.923
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 3	-	-	84.522.309.664	84.522.309.664	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành - Vay thấu chi 5	1.479.631.262	1.479.631.262	1.480.385.876	754.614	-	-

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Mẫu số B 09 - DN**  
Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	14.871.356.720	14.871.356.720	14.871.356.720
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	43.235.578.020	43.235.578.020	132.904.665.897	107.672.813.525	18.003.725.648	18.003.725.648
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	-	-	16.516.306.239	115.935.257.052	99.418.950.813	99.418.950.813
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	108.914.718.804	128.551.808.066	19.637.089.262	19.637.089.262
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	33.520.851.027	33.520.851.027	66.262.681.161	32.741.830.134	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	-	-	-	8.046.749.686	8.046.749.686	8.046.749.686
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	9.057.386.894	9.057.386.894	47.014.493.051	58.087.769.599	20.130.663.442	20.130.663.442
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm	-	-	2.897.982.730	2.897.982.730	-	-
Các cá nhân	-	-	33.608.083	2.430.296.294	2.396.688.211	2.396.688.211
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Hà Nội	53.330.000.000	53.330.000.000	348.231.901.000	294.901.901.000	-	-
Vay cá nhân - Nguồn vốn huy động	28.155.932.948	28.155.932.948	26.268.554.325	27.298.004.536	29.185.383.159	29.185.383.159

**TÓNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở Hà Nội	97.551.864.000	97.551.864.000	268.173.786.336	230.545.600.400	59.923.678.064	59.923.678.064
Ngân hàng TMCP Tiên phong - Hội sở Hà Nội	41.357.000.000	41.357.000.000	180.201.800.000	147.565.956.572	8.721.156.572	8.721.156.572
Ngân hàng TMCP SHB - Phòng giao dịch Lạc Long Quân	79.199.000.000	79.199.000.000	232.697.000.000	256.274.874.540	102.776.874.540	102.776.874.540
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	6.049.000.000	92.199.000.000	86.150.000.000	86.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	7.000.000.000	40.186.170.000	33.186.170.000	33.186.170.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	16.521.804.576	16.521.804.576	62.548.335.076	72.031.192.500	26.004.662.000	26.004.662.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	25.169.000.000	25.169.000.000	138.247.032.806	212.337.672.766	99.259.639.960	99.259.639.960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	13.200.000.000	13.200.000.000	84.969.795.224	71.769.795.224	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hà Nội	28.943.000.114	28.943.000.114	37.474.868.394	8.531.868.280	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	10.003.437.650	10.003.437.650	10.003.437.650
Ngân hàng và cá nhân khác	21.931.711.035	21.931.711.035	30.270.374.971	48.138.638.399	39.799.974.463	39.799.974.463
<b>Cộng</b>	<b>678.302.044.660</b>	<b>678.302.044.660</b>	<b>2.443.403.607.663</b>	<b>2.737.399.360.209</b>	<b>972.297.797.206</b>	<b>972.297.797.206</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng và cá nhân khác	10.635.465.643	10.635.465.643	4.992.025.991	15.555.663.635	21.199.103.287	21.199.103.287
<b>Cộng</b>	<b>10.635.465.643</b>	<b>10.635.465.643</b>	<b>4.992.025.991</b>	<b>15.555.663.635</b>	<b>21.199.103.287</b>	<b>21.199.103.287</b>

**(\*) Phần giá trị vay giảm trong năm bao gồm**

	Số tiền
- Giảm do trả tiền vay trong năm	2.725.573.425.450
- Giảm do thoái vốn trong năm	27.381.598.394
<b>Cộng</b>	<b>2.752.955.023.844</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>		
Chi phí thường xuyên	6.173.256.564	3.349.808.362
Cộng	<b>6.173.256.564</b>	<b>3.349.808.362</b>
<i>Chi phí phải trả dài hạn</i>		
Lãi trả chậm Công ty TNHH XDDD và CN Delta	-	8.919.671.660
Cộng	-	<b>8.919.671.660</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>		
- Doanh thu nhận trước	5.673.849.573	10.831.529.252
Cộng	<b>5.673.849.573</b>	<b>10.831.529.252</b>
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>		
- Doanh thu nhận trước	68.073.507.532	76.048.667.678
Cộng	<b>68.073.507.532</b>	<b>76.048.667.678</b>

**19. Phải trả khác**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	29.521.752	-
- Kinh phí công đoàn;	189.950.478	175.893.837
- Bảo hiểm xã hội;	227.985.521	759.560.180
- Bảo hiểm y tế	45.118.813	-
- Bảo hiểm thất nghiệp;	62.853.131	-
- Phải trả về cổ phần hoá;	9.637.932	64.794.296.200
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	362.378.600	-
- Tạm ứng	7.009.614	-
- Phải thu khác	1.859.807.926	-
- Phải trả khác	65.230.936.475	209.245.125.921
+ Công ty TNHH XD và Đầu tư Dịch vụ thương mại Hồng Ngọc	-	87.508.516.474
+ Chi cục thuế huyện Gia Lâm	3.628.591.114	48.431.347.394
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji	50.000.000.000	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.602.345.361	73.305.262.053
Cộng	<b>68.025.200.242</b>	<b>274.974.876.138</b>
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<i>Phải trả dài hạn khác</i>		
- Vốn góp hợp tác kinh doanh 10B Trảng Thi - Công ty CP TM Nguyễn Kim	-	112.710.920.478
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.782.360.579	9.364.567.449
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.406.500.000	12.801.002.034
Cộng	<b>15.188.860.579</b>	<b>134.876.489.961</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>Quý đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>8.139.599.406</b>	<b>207.539.135</b>	<b>12.986.788.222</b>	<b>215.465.610.929</b>	<b>4.622.259.692</b>	<b>(29.717.434.430)</b>	<b>2.411.704.362.954</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.441.126.123	-	15.332.346.652	17.773.472.775
Tăng khác	-	-	-	-	4.679.584.400	29.478.946	-	4.709.063.346
Giảm khác	-	(3.656.097.299)	(207.539.135)	-	-	-	(3.890.760.202)	(7.754.396.636)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>4.483.502.107</b>	<b>-</b>	<b>12.986.788.222</b>	<b>222.586.321.452</b>	<b>4.651.738.638</b>	<b>(18.275.847.980)</b>	<b>2.426.432.502.439</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	6.218.555.668	-	113.985.332.442	120.203.888.110
Tăng khác	-	-	46.048.002	3.848.172.013	-	-	579.352.105	4.473.572.120
Lỗ trong năm này	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.540.000.000)	(1.540.000.000)
Giảm khác	-	(4.167.837.305)	-	-	(211.515.035.379)	(4.627.333.197)	(5.384.787.341)	(225.694.993.222)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	<b>315.664.802</b>	<b>46.048.002</b>	<b>16.834.960.235</b>	<b>17.289.841.741</b>	<b>24.405.441</b>	<b>89.364.049.226</b>	<b>2.323.874.969.447</b>

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ	31/12/2019	
		31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	65%	1.430.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Ô tô Thành Công	12,53%	275.781.250.000	-
Công ty TNHH TM ĐT và XNK An Phú	14,48%	318.709.220.000	-
Các Cổ đông khác	7,99%	175.509.530.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>2.200.000.000.000</b>	-
		31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		220.000.000	220.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		220.000.000	220.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		220.000.000	220.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		220.000.000	220.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000	10.000
<b>Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:</b>		31/12/2019	01/01/2019
Quỹ đầu tư phát triển		24.405.441	4.651.738.638
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		46.048.002	-
<b>21. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>		31/12/2019	01/01/2019
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		16.834.960.235	12.986.788.222
<b>Cộng</b>		<b>16.834.960.235</b>	<b>12.986.788.222</b>

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.275.283.696.727</b>	<b>1.786.199.776.983</b>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.275.283.696.727</i>	<i>1.786.199.776.983</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>35.181.730.877</b>	<b>8.527.935.856</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>21.992.148.622</i>	<i>62.031.354</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>1.131.377.755</i>	<i>8.458.345.411</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>12.058.204.500</i>	<i>7.559.091</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.240.101.965.850</b>	<b>1.777.671.841.127</b>

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp	1.907.841.615.292	1.575.371.041.047
<b>Cộng</b>	<b>1.907.841.615.292</b>	<b>1.575.371.041.047</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.001.980.876	33.349.476.878
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.765.938.842	4.952.396.704
Lãi chênh lệch tỷ giá	16.840.731.283	12.229.887.180
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	751.733.464	650.712.642
Doanh thu hoạt động tài chính khác	126.201.285.888	122.076.170
<b>Cộng</b>	<b>199.561.670.353</b>	<b>51.304.549.574</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Lãi tiền vay	53.550.071.239	38.065.210.714
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	64.432.913	81.583.817
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.322.432.115	9.412.058.154
Chi phí tài chính khác	14.314.635.511	56.655.398
<b>Cộng</b>	<b>76.251.571.778</b>	<b>47.615.508.083</b>



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
<i>Chi phí nhân viên</i>	64.692.950.640	33.689.701.303
<i>Chi phí vật liệu bao bì</i>	597.217.344	1.499.152.447
<i>Chi phí dụng cụ đồ dùng</i>	4.259.120.849	1.837.859.180
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	18.135.608.528	7.685.674.080
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	8.526.343.056	5.270.676.396
<i>Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng</i>	965.835.589	-
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	13.974.654.298	4.095.753.798
<i>Chi phí khác bằng tiền</i>	37.612.119.984	17.651.538.013
<b>Cộng</b>	<b>148.763.850.288</b>	<b>71.730.355.217</b>

**Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<i>Chi phí nhân viên</i>	46.344.948.239	34.824.165.664
<i>Chi phí nguyên vật liệu, bao bì</i>	6.719.731.493	13.254.222.895
<i>Chi phí dụng cụ, đồ dùng</i>	8.324.510.248	1.159.019.887
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	4.119.398.657	4.589.375.344
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	68.532.434.373	52.104.773.045
<i>Chi phí khác bằng tiền</i>	31.259.468.845	14.258.182.547
<b>Cộng</b>	<b>165.300.491.855</b>	<b>120.189.739.382</b>

**27. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<b>Thu nhập khác</b>	<b>13.570.381.691</b>	<b>6.305.589.983</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	272.636.362	-
- Các khoản khác	13.297.745.329	6.305.589.983
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.750.589.231</b>	<b>2.437.055.979</b>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	337.162.820	-
- Các khoản khác	1.413.426.411	2.437.055.979
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>11.819.792.460</b>	<b>3.868.534.004</b>

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****28.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	28.830.945.364	4.502.904.327
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.830.945.364</b>	<b>4.502.904.327</b>

**28.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ việc loại trừ khoản dự phòng đầu tư tài chính trích lập trong năm	1.060.907.436	-
<b>Cộng</b>	<b>1.060.907.436</b>	<b>-</b>

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.203.888.110	15.332.345.652
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	120.203.888.110	15.332.346.652
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	220.000.000	220.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>546,38</b>	<b>69,69</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>546,38</b>	<b>69,69</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Công cụ tài chính**

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2019</b>	<b>829.518.005.481</b>	<b>304.020.639.702</b>	<b>1.133.538.645.183</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.600.373.229	-	111.600.373.229
Phải thu khách hàng	440.230.606.130	13.557.589.907	453.788.196.037
Đầu tư	185.089.794.464	290.463.049.795	475.552.844.259
Phải thu khác	92.597.231.658	-	92.597.231.658
<b>Trừ:</b>	<b>(965.835.589)</b>	<b>(96.335.382)</b>	<b>(1.062.170.971)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(965.835.589)	(96.335.382)	(1.062.170.971)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>828.552.169.892</b>	<b>303.924.304.320</b>	<b>1.132.476.474.212</b>
Các khoản vay và nợ	678.302.044.660	10.635.465.643	688.937.510.303
Phải trả người bán	76.162.094.165	-	76.162.094.165
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	74.198.456.806	15.188.860.579	89.387.317.385
<b>Tổng cộng</b>	<b>828.662.595.631</b>	<b>25.824.326.222</b>	<b>854.486.921.853</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(110.425.739)</b>	<b>278.099.978.098</b>	<b>277.989.552.359</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2019</b>	<b>1.061.151.085.924</b>	<b>342.774.051.071</b>	<b>1.403.925.136.995</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	224.765.595.328	-	224.765.595.328
Phải thu khách hàng	418.266.796.936	14.480.287.365	432.747.084.301
Đầu tư	283.041.328.767	326.044.784.206	609.086.112.973
Phải thu khác	135.077.364.893	2.248.979.500	137.326.344.393
<b>Trừ:</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>(96.335.382)</b>	<b>(296.335.382)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(200.000.000)	(96.335.382)	(296.335.382)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.060.951.085.924</b>	<b>342.677.715.689</b>	<b>1.403.628.801.613</b>
Các khoản vay và nợ	972.297.797.206	21.199.103.287	993.496.900.493
Phải trả người bán	91.200.441.939	19.773.253.570	110.973.695.509
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	278.324.684.500	143.796.161.621	422.120.846.121
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.341.822.923.645</b>	<b>184.768.518.478</b>	<b>1.526.591.442.123</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(280.871.837.721)</b>	<b>157.909.197.211</b>	<b>(122.962.640.510)</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Chỉ số thanh khoản thuần đã có cải thiện rất nhiều so với kỳ trước.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**Mẫu số B 09 - DN**  
Đơn vị tính: VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3 Công cụ tài chính**

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	185.089.794.464	283.041.328.767	185.089.794.464	283.041.328.767
Các khoản Đầu tư tài chính vào đơn vị khác	290.463.049.795	326.044.784.206	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	548.441.624.114	570.073.428.694	548.441.624.114	524.359.603.228
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.600.373.229	224.765.595.328	111.600.373.229	224.765.595.328
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.135.594.841.602</b>	<b>1.403.925.136.995</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	688.937.510.303	993.496.900.493	688.937.510.303	993.496.900.493
Phải trả người bán	76.162.094.165	110.973.695.509	76.162.094.165	110.973.695.509
Phải trả khác	83.214.060.821	409.851.366.099	83.214.060.821	409.851.366.099
<b>Tổng cộng</b>	<b>848.313.665.289</b>	<b>1.514.321.962.101</b>	<b>848.313.665.289</b>	<b>1.514.321.962.101</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



## TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 38-40, Phố Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN  
Đơn vị tính: VND

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

##### 4. Báo cáo bộ phận

Năm 2019

##### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Chính yếu)

CHỈ TIÊU	MIỀN BẮC	MIỀN NAM	TỔNG CỘNG
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	1.721.083.618.219	554.200.078.508	2.275.283.696.727
Các khoản giảm trừ doanh thu	25.062.961.122	10.118.769.755	35.181.730.877
Giá vốn hàng bán	1.410.342.499.866	497.499.115.426	1.907.841.615.292
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>285.678.157.231</b>	<b>46.582.193.327</b>	<b>332.260.350.558</b>

##### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Thứ yếu)

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn, bán lẻ sản phẩm dịch vụ, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong tổng doanh thu, tài sản và kết quả kinh doanh. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

##### Từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018

Kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/12/2018, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Thông tin các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - miễn nhiệm ngày 12/04/2019
Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Vũ Thanh Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị-Tổng Giám đốc
Trần Thị Tuyết Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thái Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm ngày ngày 25/04/2019
Nguyễn Tiến Vượng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hải Thanh	Phó Tổng Giám đốc - miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Đình Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Dương Thị Lam	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm kế toán ngày 02/12/2019
Đỗ Tuệ Tâm	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 02/12/2019
Đình Hồng Quang	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 02/12/2019
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ĐTTM và Dịch vụ Chợ Bưởi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cao ốc Á Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ô tô Thành Công	Cổ đông của Công ty

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xuất nhập khẩu An Phú	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Cùng công ty mẹ

**Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc:**

	Năm 2019
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	782.240.000
Ban Tổng giám đốc - Lương và thu nhập khác	3.715.145.000
<b>Cộng</b>	<b>4.497.385.000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan****Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<b>Bán hàng</b>		<b>18.100.053.603</b>	<b>7.968.077.482</b>
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Bán hàng	625.535.709	53.743.274
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia Cầm	Bán hàng	1.528.666.340	600.379.021
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Bán hàng	4.306.405.135	2.304.493.129
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Bán hàng	2.703.174.957	1.025.100.957
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Bán hàng	390.409.517	170.171.065
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Bán hàng	150.888.634	12.329.545
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	Bán hàng	5.074.405.518	2.202.713.713
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	Bán hàng	46.310.711	1.083.439.477
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Bán hàng	588.093.010	289.981.273
Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam	Bán hàng	75.714.114	-
Công ty TNHH TM Đầu tư và XNK An Phú	Bán hàng	-	-
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư HN	Bán hàng	55.000.001	27.726.028
Công ty Cổ phần TMDV Thời trang Hà Nội	Bán hàng	433.077.197	198.000.000
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Bán hàng	732.637.410	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Bán hàng	546.883.373	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	Bán hàng	18.181.818	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Bán hàng	78.878.236	-
Công ty Cổ Phần Intimex Việt Nam	Bán hàng	745.791.923	-



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019	Từ 29/06/2018 đến 31/12/2018
<b>Mua hàng</b>		<b>38.779.364.296</b>	<b>11.946.572.805</b>
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia Cầm	Mua hàng	8.211.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội	Mua hàng	13.084.257.136	8.415.359.507
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	Mua hàng	537.698.844	-
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	Mua hàng	3.227.061.367	1.906.815.219
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	Mua hàng	27.407.115	-
Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro	Mua hàng	3.327.172.214	1.624.398.079
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	Mua hàng	1.621.762.193	-
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	Mua hàng	474.307.458	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Mua hàng	1.320.273	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	Mua hàng	22.901.019	-
Công ty Cổ phần Intimex	Mua hàng	16.447.265.177	-

**Số dư với các bên liên quan:****Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:**

Các bên có liên quan	31/12/2019	01/01/2019
<b>I. Phải thu khách hàng</b>	<b>117.444.976.818</b>	<b>111.670.228.463</b>
Công ty Cổ phần Phân phối Hapro	29.222.701.834	28.385.421.785
Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần thông tin Hapro	4.161.474	15.467.645
Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm	14.639.068.868	13.403.263.032
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng thương mại Hà Nội	61.233.800.046	57.410.546.510
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	180.198.252	131.198.251
Công ty Cổ Phần Nội Thất Sinh Thái Hapro	4.847.888.012	4.403.092.924
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	6.703.124.324	6.703.124.324
Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước	238.000.000	238.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	40.385.973	13.562.500
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long	126.119.202	134.235.202
Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu	66.045.077	-
Công ty Cổ phần Thủy Tạ	4.864.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	25.315.525	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội	13.304.231	36.300.000
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam)	-	696.016.290

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****Các bên có liên quan****II. Phải thu về cho vay**

Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro

Công ty Cổ phần Phân phối Hapro

**Các bên có liên quan****III. Phải trả người bán**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng TM Hà Nội

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội

Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu

Công ty Cổ phần Thủy Tạ

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

**III. Trả trước cho người bán**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Nội Thất Sinh Thái Hapro

Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng

Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Bình Phước

Công ty Cổ phần Thông tin Hapro

**IV. Phải thu khác**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng Thương mại Hà Nội

Công ty Cổ phần Nội Thất Sinh Thái Hapro

Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

31/12/2019

01/01/2019

118.064.551.467

123.766.954.359

1.000.000.000

1.000.000.000

24.686.167.000

26.195.000.000

72.852.430.108

77.046.000.000

4.650.000.000

4.650.000.000

14.875.954.359

14.875.954.359

31/12/2019

01/01/2019

1.937.158.628

17.417.520

4.711.769.883

4.711.769.883

10.523.150

-

1.087.926.638

17.417.520

12.600.000

-

22.075.000

-

255.070.200

-

537.900.000

-

9.611.340

-

1.452.300

-

79.871.166.716

48.633.823.074

1.167.430.263

291.876.303

604.466.660

113.236.660

28.506.961.465

28.506.961.465

24.796.154.164

19.721.748.646

571.118.516

-

9.257.909.681

8.871.630.756

7.601.161.388

7.601.161.388

1.100.795.813

1.100.795.813

169.673.555

169.673.555

386.278.925

-

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 38 - 40, phố Lê Thái Tổ, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**6 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán.

**7. Thông tin khác**

Thời điểm 31/12/2019 Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần đã thoái vốn ra khỏi các Công ty con sau: Công ty Cổ phần Thủy Tạ, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi, Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi. Việc thoái vốn này ảnh hưởng thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất làm xuất hiện giảm do thoái vốn của các chỉ tiêu: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình, tăng giảm tài sản cố định vô hình, tăng giảm bất động sản đầu tư, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, vay và nợ thuê tài chính.

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thuộc kế hoạch Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2016. Thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần ngày 29/06/2018. Tổng Công ty đã tuân thủ quy định hiện hành về xác định giá trị doanh nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật trong việc thực hiện cổ phần hóa và theo các hướng dẫn của các văn bản về cổ phần hóa. Theo quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội thành Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần và Biên bản bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Hà Nội sang Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ngày 17/01/2019 có sự chứng kiến bàn giao của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp, Đảng ủy khối Doanh nghiệp Nhà nước.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



NGUYỄN THU HẰNG

Kế Toán trưởng



DƯƠNG THỊ LAM

Tổng Giám đốc



VŨ THANH SƠN

